

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Sín Phong

Nghề nghiệp: Cán bộ đảng ủy xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Bà Vàng Thị Mai

Nghề nghiệp: Cán bộ Hội đồng nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Vàng Seo S, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1992 tại xã Lử T nay là xã Lùng T, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Seo S, năm sinh 1960 (đã chết) và bà Giàng Thị L, năm sinh 1962; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam ngày: 02/6 /2020, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Người bị hại: Chị Lù Thị H, năm sinh 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Người làm chứng: Chị Lù Thị S, năm sinh 1990

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-SMC ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Đầu năm 2019 (không nhớ ngày, tháng), khi đang ở TQ, thông qua mạng xã hội, Vàng Seo S, sinh năm 1992; trú tại thôn N, xã L nay là xã L huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai làm quen với chị Lù Thị H, sinh năm 1992; trú tại thôn N, xã S, nay là thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai, nhằm lừa sang Trung Quốc bán. Sèo rủ chị H sang HK - TQ làm thuê, công việc là đóng hộp hoa quả, để tạo lòng tin S đã chụp ảnh chứng minh thư rồi gửi qua mạng Zalo cho chị H. Chị H nói không có sổ thông hành nên không sang TQ được, S nói H cứ sang S sẽ đón. Khoảng 11 giờ ngày 20/02/2019 sau khi rủ được chị Lù Thị S, năm sinh 1990, trú cùng thôn, H gọi điện cho S bảo đang ở LC và bảo S ra đón. S bảo H đi vào khu vực Km0 B nhưng S nói khu vực đó xa quá và hẹn S đón ở khu vực đối diện bến đò gần cầu K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, Vàng Seo S nhất trí.

S gọi điện cho người đàn ông TQ tên là Giàng A P (không rõ lai lịch cụ thể) bảo cùng S ra khu vực đối diện cầu K, thành phố L để đón H. Khoảng 30 phút sau, H và S đi đến khu vực bến đò K (khu vực cột mốc biên giới số 99) và tự đi đò qua sông Hồng sang TQ. Tại đây S và P dùng xe máy chở H và S về một nhà nghỉ ở H. Khoảng 18 giờ cùng ngày Phừ dùng xe máy chở Sèo, H, S vào một công viên gần đó. P gọi điện cho một ai đó, gọi điện xong P nói với S không mua phụ nữ dân tộc N sau đó P bỏ đi. S gọi điện cho L là người Mông Việt Nam ở cùng nhà trọ với S, S hỏi “*có mua người không*”, L nói “*có*”. Khoảng 30 phút sau L cùng hai người đàn ông đi hai xe máy đến, L hỏi “*người nào*”, S chỉ vào chị H. Nhìn H, L gật đầu đồng ý. S bàn bạc với L tìm cách để tách Lù Thị S ra, L nói sẽ chở S và H, còn S do hai người đàn ông đi cùng L chở. Sau đó S và H ngồi lên xe của L, khi về đến gần phòng trọ của L, mọi người xuống xe, H không đồng ý vào phòng trọ nên S tát vào mặt H và nói “*sang đây thì lấy chồng ở đây không về nữa, nếu không nghe lời tao đánh chết*” rồi S kéo tay H vào phòng trọ và nhốt H trong phòng trọ, đến sáng hôm sau thấy H cầm điện thoại hiệu SAMSUNG Galaxy, sợ H gọi điện cho người nhà nên S thu giữ chiếc điện thoại của H. Khoảng 4 ngày sau, có hai vợ chồng người TQ đến gặp L để mua H và đưa sâu vào nội địa TQ. Sau khi bán Lù Thị H, L trả cho S 10.000 CNY (mười nghìn nhân dân tệ) S nhận tiền rồi ở lại TQ và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Lù Thị H, bị hai vợ chồng người TQ đưa sâu vào nội địa TQ, bán cho một người đàn ông TQ làm vợ. Sau khi ở nhà người đàn ông này khoảng 10 ngày thì H bỏ trốn đến Đồn Công an TQ trình báo. Đến ngày 22/7/2019, H được trao trả về Việt Nam.

Đối với Lù Thị S, sau khi được hai người đàn ông lạ mặt chở đi được một đoạn, người đàn ông lái xe bảo S xuống đứng đợi ở đường do ông ta quên dây điện phải về nhà lấy. Được một lúc, không thấy ai quay lại đón, S gọi điện cho H nhưng không liên lạc được nên đã tự tìm đường trở về Việt Nam.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với bị can Vàng Seo S về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo Vàng Seo S từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán người”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của Bản án số 08 ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai đã tuyên đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại trị giá chiếc điện thoại mà bị cáo đã thu giữ của chị H là 500.000 đồng; bồi thường số tiền thu nhập thực tế bị mất trong 152 ngày tương đương với số tiền 30.400.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 14.900.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Truy thu của bị cáo số tiền 34.695.000 đồng để thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo Vàng Seo S được hưởng mức án 08 năm tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02/6/2020.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Chị Lù Thị H có ý kiến: Chị bị Vàng Seo S lừa gạt sang TQ để làm thuê, công việc là đóng hoa quả nên chị đã tin nghe theo bị cáo để sang TQ, nhưng khi sang đến TQ thì bị cáo đã bán chị cho người khác. Bị cáo đã gây tổn thất về danh dự, nhân phẩm cho chị. Chị đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo qui định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổn thất tinh thần về danh dự, nhân phẩm, khoản thu nhập thực tế chị H bị mất trong 05 tháng 02 ngày là 98.300.000 đồng và trị giá chiếc điện thoại SAM SUNG Galaxy J2 Prime bị mất là 500.000 đồng. Tổng cộng chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 98.800.000 đồng.

- Ý kiến của người làm chứng chị Lù Thị S: Ngày 16/01/2019 âm lịch (không nhớ ngày dương lịch) chị cùng chị Lù Thị H đi xe khách xuống LC, khi đến LC H có gọi điện cho Vàng Seo S và chị là người trực tiếp nói chuyện với S để Sèo chỉ đường cho chị và chị H. S bảo chị và H đi xe ôm vào P, chị nói không biết nên không đi, nếu S đón ở cầu K thì mới đi, sau đó S đồng ý đón chị và H ở phía bên đất TQ gần cầu K. Khi đến TQ thì S và một người đàn ông đưa chị và H vào một nhà nghỉ để ngủ, sau đó có ba người đàn ông đi xe máy đến trở mọi người đi

sâu vào nội địa TQ, đi được một đoạn thì xe chở chị bị lạc xe chở H, người đàn ông chở chị bảo chị xuống đứng đợi ở đường do ông ta quên dây điện phải về nhà lấy, được một lúc, không thấy ai quay lại đón, chị đã hỏi đường ra chợ cửa khẩu và về Việt Nam, sau đó chị điện thoại cho chị H nhưng không liên lạc được.

- Ý kiến của bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa. Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì người làm chứng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Do muốn có tiền tiêu sài, ngày 20/02/2019 bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã lừa gạt chị Lù Thị H ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sang TQ, sau đó bị cáo đã bán chị H cho người khác để nhận 10.000 CNY (mười nghìn nhân dân tệ), bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý đã cấu thành tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến nhân phẩm, danh dự của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi buôn bán người ở nhiều nơi khác nhau. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về việc làm sai trái của bản thân. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Ngày 04/6/2020 bị cáo Vàng Seo S đã bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử về tội “Mua bán người” bị xử phạt 08 năm tù. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không xác định tiền án để áp dụng tái phạm đối với bị cáo, với lý do: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 02 năm 2020, bị cáo đã

thực hiện hành vi mua bán người ở nhiều nơi khác nhau và không có hành vi nào thực hiện sau khi đã bị kết án.

Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp tự do, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chị Lù Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị trị giá chiếc điện thoại bị mất là 500.000 đồng, bồi thường tổn thất về danh dự nhân phẩm, khoản thu nhập thực tế chị H bị mất trong 05 tháng 02 ngày. Tổng số tiền chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 98.800.000 đồng (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã gây tổn hại về danh dự, nhân phẩm cho chị Lù Thị H nên bị cáo phải bồi thường cho chị H là có căn cứ, tuy nhiên chị H yêu cầu số tiền bồi thường là cao, cần xem xét chấp nhận một phần là phù hợp. Căn cứ vào mức thu nhập bình quân của lao động cùng loại tại thị trấn S, huyện S, Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường gồm: Khoản thu nhập thực tế chị H bị mất trong 05 tháng 02 ngày = 152 ngày x 200.000 đồng/ngày = 30.400.000 đồng; khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về mặt tinh thần bằng 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ tại thời điểm xét xử: 10 tháng x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng. Tổng cộng là: 45.300.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại SAM SUNG Galaxy J2 Prime mà bị cáo đã thu giữ của người bị hại nay đã bị mất không thu hồi được, chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại bị mất là 500.000 đồng là phù hợp cần được chấp nhận.

Đối với hai người đàn ông tên P, L, hai người đàn ông đi cùng S và hai vợ chồng người TQ đã mua chị H, quá trình điều tra không xác định được căn cước lai lịch cụ thể nên không đề cập xử lý, xét thấy là phù hợp.

[5] Việc xử lý vật chứng: Đối với số tiền 10.000 CNY (mười nghìn nhân dân tệ) do bị cáo bán chị H mà có. Căn cứ vào Thông báo tỷ giá mua bán ngoại tệ ngày 25/02/2019, tỷ giá cơ bản có giá là 3.469,5 đồng, đổi ra tiền Việt Nam được 34.695.000 đồng, số tiền này bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Xét thấy đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tuyên truy thu của bị cáo số tiền 34.695.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên người bào chữa cho bị cáo nhận định bị cáo ăn năn hối cải là không có căn cứ, trong vụ án này bị cáo chỉ được áp dụng là thành khẩn khai báo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1,2 Điều 48, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 589, khoản 1,2 Điều 592 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng Seo S phạm tội “Mua bán người”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Vàng Seo S 8 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 08/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Buộc bị cáo Vàng Seo S phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 02/6/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vàng Seo S phải bồi thường cho chị Lù Thị H số tiền là 45.800.000 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Vàng Seo S: Về xử lý vật chứng: Tuyên truy thu của bị cáo Vàng Seo S số tiền 10.000 CNY (mười nghìn nhân dân tệ) quy đổi tiền VNĐ là 34.695.000 đồng (ba mươi tư triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Vàng Seo S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.290.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 2.490.000 đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương